BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

'Danh sách xét tốt nghiệp tạm thời, tính đến ngày 02/12/2022'

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Phân hiệu Ninh Thuận								
CD19DLNT								
1	1912202010005	Kiều Thị Như	Lên	19/03/2001	Nữ	6.61	Trung bình khá	
CD19MNNT								
1	1911402010027	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	21/08/2001	Nữ	7.09	Khá	
CD19NVNT								
1	1911402170003	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	16/05/2001	Nữ	6.93	Trung bình khá	
2	1911402170005	Bùi Trung	Thành	27/07/2001	Nam	7.05	Khá	
3	1911402170006	Võ Lê Anh	Thư	26/03/2000	Nữ	8.31	Giỏi	
4	1911402170009	Thành Nữ Huyền	Uy	26/04/2001	Nữ	6.63	Trung bình khá	
5	1911402170010	Phạm Thị Ngọc	Ý	08/06/2001	Nữ	7.32	Khá	
CD19TANT								
1	1911402310006	Huỳnh Hồng Đan	Phương	16/05/2001	Nữ	6.42	Trung bình khá	
Cơ khí công nghệ								
DH14CK								
1	14118249	Phạm Châu	Thanh	08/10/1995	Nam	2.26	Trung bình	
DH15CK								
1	15118094	Nguyễn Đoàn	Thắng	16/6/1997	Nam	2.59	Khá	
2	15118101	Phạm Minh	Thiện	04/12/1997	Nam	2.57	Khá	
3	15118106	Trần Trung	Tín	35433	Nam	2.07	Trung bình	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
4	15118127	Phan Xuân	Tùng	19/01/1996	Nam	2.11	Trung bình	
DH15NL								
1	15137030	Vũ Gia	Huy	03/05/1997	Nam	2.44	Trung bình	
2	15137053	Bùi Văn	Thi	18/08/1997	Nam	2.34	Trung bình	
DH15TD								
1	13138023	Trần Văn	Vượng	04/06/1995	Nam	2.54	Khá	
2	15138021	Phạm Thị Thúy	Hằng	28/08/1997	Nữ	2.82	Khá	
3	15138054	Trang Minh	Sáng	23/02/1997	Nam	2.39	Trung bình	
DH16CC								
1	16118051	Đỗ Đức	Hậu	08/06/1998	Nam	2.52	Khá	
DH16CD								
1	16153005	Võ Thái	Công	06/04/1998	Nam	2.53	Khá	
2	16153008	Nguyễn Thanh	Danh	19/01/1998	Nam	2.50	Khá	
3	16153080	Phạm Đình	Thái	25/08/1997	Nam	2.76	Khá	
4	16153082	Tô	Thanh	30/09/1998	Nam	2.65	Khá	
5	16153108	Huỳnh Tấn	Vũ	15/07/1998	Nam	2.60	Khá	
DH16NL								
1	16137091	Vũ Nhật	Trường	18/07/1997	Nam	2.38	Trung bình	
2	16137101	Phạm Văn	Vĩ	09/09/1998	Nam	2.29	Trung bình	
DH16OT								
1	16154025	Trương Hoàng	Giang	18/08/1998	Nam	3.15	Khá	
2	16154054	Nguyễn Trung	Kiên	22/07/1998	Nam	2.54	Khá	
DH16TD								
1	16138017	Vi Văn	Đạt	30/06/1998	Nam	2.33	Trung bình	
2	16138048	K'pă	Krim	17/04/1998	Nam	2.41	Trung bình	
3	16138079	Lê	Thế	10/02/1998	Nam	2.58	Khá	
4	16138083	Trần Nguyễn Quốc	Tiến	12/07/1998	Nam	2.52	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH17CC								
1	17118016	Trần Khánh	Dân	25/01/1999	Nam	3.12	Khá	
2	17118027	Nguyễn Anh	Duy	24/01/1999	Nam	2.37	Trung bình	
DH17CD								
1	17153005	Lê Hoàng	Bảo	22/05/1999	Nam	2.66	Khá	
2	17153024	Đặng Minh	Hải	15/12/1999	Nam	2.81	Khá	
3	17153077	Phan Bảo	Trọng	07/02/1999	Nam	2.58	Khá	
DH17CK								
1	15118003	Nguyễn Tuấn	Anh	13/3/1997	Nam	2.41	Trung bình	
2	17118047	Nguyễn Hữu	Khang	30/09/1999	Nam	2.31	Trung bình	
DH17NL								
1	17137023	Mai Văn	Hòa	20/02/1999	Nam	3.13	Khá	
DH17OT								
1	17154023	Nguyễn Hoàng Trường	Giang	26/06/1999	Nam	3.53	Giỏi	
2	17154032	Lê Huy	Hoàng	15/02/1999	Nam	2.94	Khá	
3	17154098	Trần Đình	Thông	31/08/1999	Nam	2.79	Khá	
DH17TD								
1	16138043	Trần Đức	Huy	02/02/1998	Nam	2.69	Khá	
2	17138004	Lê Mạnh	Cường	07/09/1999	Nam	2.68	Khá	
3	17138053	Lê Hữu	Thuận	07/08/1999	Nam	2.61	Khá	
4	17138054	Nguyễn Ngọc Minh	Thuận	04/12/1999	Nam	2.98	Khá	
5	17138057	Đào Bá Khánh	Trình	06/02/1999	Nam	2.54	Khá	
DH18CC								
1	18118001	Dương Tấn Hoàng	Ân	13/05/2000	Nam	2.88	Khá	
2	18118003	Châu Vĩ	Anh	11/06/2000	Nam	2.69	Khá	
3	18118012	Tạ Đức Cao	Chương	19/02/2000	Nam	3.11	Khá	
4	18118022	Phan Thành	Đạt	02/05/2000	Nam	2.88	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
5	18118058	Đào Đăng	Khoa	28/01/2000	Nam	3.03	Khá	
6	18118069	Nguyễn Quý	Lộc	18/03/2000	Nam	2.84	Khá	
7	18118077	Thét Chủ	Long	30/03/2000	Nam	2.43	Trung bình	
8	18118096	Đặng Danh	Nhân	11/01/2000	Nam	2.84	Khá	
9	18118127	Lương Văn	Thái	10/04/2000	Nam	2.87	Khá	
10	18118129	Phan Quốc	Thái	17/03/2000	Nam	2.45	Trung bình	
11	18118137	Nguyễn Hoàng	Thế	01/02/2000	Nam	2.81	Khá	
12	18118157	Trần Duy	Toàn	05/11/1999	Nam	2.82	Khá	
13	18118178	Nguyễn Thanh	Tùng	10/04/2000	Nam	2.68	Khá	
14	18118180	Trần Văn	Tuyên	25/01/2000	Nam	2.44	Trung bình	
15	18118185	Trần Phúc	Vinh	28/09/2000	Nam	2.79	Khá	
DH18CK								
1	18118010	Nguyễn Hoàng	Chinh	10/09/2000	Nam	2.42	Trung bình	
2	18118035	Thái Hoàng	Duy	19/01/2000	Nam	2.98	Khá	
3	18118043	Nguyễn Ngọc	Hòa	08/10/2000	Nam	2.78	Khá	
4	18118045	Lê Quang	Huy	08/07/2000	Nam	2.82	Khá	
5	18118047	Nguyễn Khánh	Huy	24/12/2000	Nam	2.84	Khá	
6	18118068	Lê Quang	Lộc	31/05/2000	Nam	2.74	Khá	
7	18118075	Nguyễn Thành	Long	03/10/2000	Nam	2.67	Khá	
8	18118112	Lê Văn	Quang	19/01/2000	Nam	2.63	Khá	
9	18118115	Quách Ngọc	Quí	15/06/2000	Nam	3.22	Giỏi	
10	18118135	Nguyễn Chí	Thành	06/05/2000	Nam	2.99	Khá	
11	18118138	Đặng Đoàn Minh	Thi	26/02/2000	Nam	2.91	Khá	
12	18118169	Nguyễn Xuân	Trường	30/10/2000	Nam	2.82	Khá	
13	18118179	Võ Thanh	Tùng	29/04/2000	Nam	2.71	Khá	
14	18118182	Ngô Văn	Viết	28/08/2000	Nam	3.09	Khá	
15	18118184	Tô Đức	Vinh	02/03/2000	Nam	2.60	Khá	
16	18118188	Phan Lý Kim	Vũ	22/07/2000	Nam	2.85	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH18NL								
1	18137006	Bùi Văn	Cương	26/04/2000	Nam	3.36	Giỏi	
2	18137013	Nguyễn Tiến	Dũng	15/02/2000	Nam	3.37	Giỏi	
3	18137043	Nguyễn Văn	Trí	19/05/2000	Nam	3.22	Giỏi	
DH18OT								
1	18154004	Lương Tiến	Anh	01/05/2000	Nam	3.34	Giỏi	
2	18154016	Dương Đình	Đại	19/10/2000	Nam	3.13	Khá	
3	18154018	Huỳnh Công	Danh	18/02/2000	Nam	3.21	Giỏi	
4	18154032	Nguyễn Ngọc	Giang	14/02/2000	Nam	3.19	Khá	
5	18154042	Nguyễn Hữu Trọn	Hưởng	13/01/2000	Nam	2.87	Khá	
6	18154060	Nguyễn Văn Chí	Lâm	27/06/2000	Nam	2.64	Khá	
7	18154064	Nguyễn Văn	Lợi	20/12/2000	Nam	3.28	Giỏi	
8	18154068	Phạm Kim	Long	03/07/2000	Nam	2.90	Khá	
9	18154072	Phan Thành	Nam	04/12/2000	Nam	3.10	Khá	
10	18154078	Đặng Văn	Ngoan	19/03/2000	Nam	3.06	Khá	
11	18154088	Nguyễn Đình	Nhật	30/04/2000	Nam	3.66	Xuất sắc	
12	18154095	Nguyễn Văn	Phong	01/03/2000	Nam	3.31	Giỏi	
13	18154097	Hồ Hoàng	Phúc	06/10/2000	Nam	2.99	Khá	
14	18154108	Trương Thành	Tấn	13/05/2000	Nam	3.33	Giỏi	
15	18154112	Trần Lê Phương	Thái	19/11/1999	Nam	2.90	Khá	
16	18154121	Giang Đại	Thuận	31/12/2000	Nam	2.88	Khá	
LT18OT								
1	18454004	Trần Ngọc	Hải	10/06/1997	Nam	2.74	Khá	
2	18454009	Lê Hữu	Nhân	11/08/1994	Nam	2.66	Khá	
Chăn nuôi Thú Y								
DH14CN								
1	14111255	Lê Quốc	Khang	17/10/1996	Nam	2.78	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH14DY								
1	14112020	Hà Thúc	Bảo	09/03/1996	Nam	2.91	Khá	
DH14TYA								
1	14112276	Phạm Nguyễn Kim	Thảo	05/02/1996	Nữ	2.38	Trung bình	
2	14112373	Nguyễn Đình	Út	24/11/1995	Nam	2.61	Khá	
DH14TYB								
1	14112029	Ngô Thiện Bảo	Châu	09/08/1996	Nữ	2.73	Khá	
2	14112094	Nguyễn Thị Thu	Hiền	19/01/1996	Nữ	2.64	Khá	
3	14112232	Nguyễn Quỳnh	Như	27/07/1996	Nữ	2.65	Khá	
DH14TYNT								
1	14112690	Huỳnh Minh	Trí	18/02/1996	Nam	2.50	Khá	
DH15CN								
1	15111022	Nguyễn Lê Thành	Đạt	15/07/1995	Nam	2.52	Khá	
DH15DY								
1	15112018	Nguyễn Quốc	Đoàn	09/09/1997	Nam	2.53	Khá	
DH15TA								
1	15111098	Trần Quỳnh	Như	30/08/1997	Nữ	3.03	Khá	
DH15TY								
1	15112039	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	01/08/1997	Nữ	2.41	Trung bình	
2	15112091	Nguyễn Xuân	Ngọc	27/11/1997	Nữ	2.73	Khá	
3	15112142	Lê Nhựt	Tân	04/10/1997	Nam	2.93	Khá	
4	15112151	Phạm Thiên	Thanh	22/11/1997	Nữ	3.29	Giỏi	
5	15112388	Đàm Mỹ	Nhung	22/10/1996	Nữ	2.67	Khá	
6	15112932	Nguyễn Chí	Trung	15/02/1995	Nam	2.56	Khá	
DH15TYGL								
1	15112224	Hồ Thị Mỹ	Lệ	12/08/1997	Nữ	3.13	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	15112246	Lê Thị Đoan	Thùy	17/10/1997	Nữ	2.53	Khá	
DH15TYNT								
1	15112288	Đoàn Văn	Thịnh	18/03/1997	Nam	2.43	Trung bình	
DH16CN								
1	16111024	Từ Hải	Đăng	02/07/1998	Nam	2.34	Trung bình	
2	16111108	Trần Trung	Nghĩa	28/03/1998	Nam	2.59	Khá	
3	16111210	Nguyễn Phước Lưu	Thông	12/02/1997	Nam	2.46	Trung bình	
DH16DY								
1	16112471	Nguyễn Duy	An	17/05/1998	Nam	2.87	Khá	
2	16112621	Lương Hoài	Nam	29/01/1998	Nam	2.31	Trung bình	
DH16TA								
1	16111046	Cao Minh Thùy	Giang	22/07/1998	Nữ	2.78	Khá	
2	16111224	Nguyễn Minh	Tiến	12/08/1998	Nam	2.61	Khá	
DH16TY								
1	16112470	Lưu Tiến	An	20/10/1998	Nam	2.66	Khá	
2	16112522	Cao Vũ Bảo	Giang	18/07/1998	Nam	2.69	Khá	
3	16112582	Ngô Kim	Huỳnh	08/06/1996	Nữ	3.14	Khá	
4	16112601	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	05/07/1998	Nữ	3.41	Giỏi	
5	16112615	Võ Văn	Min	20/02/1998	Nam	2.59	Khá	
6	16112639	Võ Đình	Nhân	02/04/1998	Nam	2.75	Khá	
7	16112650	Thi Thị	Nhung	07/03/1998	Nữ	2.80	Khá	
8	16112694	Võ Minh	Tâm	28/01/1998	Nam	2.45	Trung bình	
9	16112718	Lê Thị Hoài	Thu	12/06/1998	Nữ	2.55	Khá	
10	16112729	Nguyễn Văn	Tiến	12/08/1998	Nam	2.27	Trung bình	
11	16112736	Vũ Thị Thảo	Trang	09/07/1998	Nữ	3.06	Khá	
12	16125294	Nguyễn Văn	Long	20/09/1997	Nam	2.58	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH16TYGLA								
1	16112372	Châu Ngọc	Trình	10/05/1998	Nam	2.23	Trung bình	
DH16TYGLB								
1	16112266	Hà Hữu	Hào	26/06/1998	Nam	2.35	Trung bình	
2	16112355	Trần Ngọc	Thiện	14/09/1995	Nam	2.54	Khá	
DH16TYNT								
1	16112426	Hoàng Thị	Khuyên	15/01/1998	Nữ	3.14	Khá	
2	16112427	Huỳnh Anh	Kiệt	01/01/1998	Nam	2.49	Trung bình	
3	16112451	Nguyễn	Thuận	09/06/1998	Nam	2.49	Trung bình	
DH17CN								
1	17111009	Đặng Ngọc	Ảnh	08/03/1999	Nam	2.36	Trung bình	
2	17111024	Võ Hoàng	Diễm	27/08/1999	Nữ	2.80	Khá	
3	17111032	Nguyễn Quốc	Duy	04/08/1999	Nam	2.80	Khá	
4	17111033	Trần Lê Đức	Duy	28/10/1999	Nam	3.09	Khá	
5	17111039	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	07/10/1999	Nữ	2.70	Khá	
6	17111080	Nguyễn Văn	Lực	28/03/1998	Nam	2.58	Khá	
7	17111129	Trương Quốc	Thắng	07/05/1998	Nam	2.68	Khá	
8	17111131	Đinh Tiến	Thành	23/05/1997	Nam	2.19	Trung bình	
9	17111155	Võ Hồng Cẩm	Tú	11/05/1999	Nữ	2.73	Khá	
10	17126193	Lê Gia	Băng	27/10/1999	Nữ	2.72	Khá	
DH17DY								
1	17112029	Trần Thị	Dung	08/02/1999	Nữ	2.72	Khá	
2	17112083	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	20/01/1999	Nữ	2.67	Khá	
3	17112102	Nguyễn Thị Phương	Linh	19/05/1999	Nữ	3.31	Giỏi	
4	17112106	Nguyễn Thị Thúy	Loan	04/08/1998	Nữ	2.68	Khá	
5	17112120	Nguyễn Thị Mộng	Ngân	02/10/1999	Nữ	2.67	Khá	
6	17112135	Hoàng Thành	Nhân	16/02/1999	Nam	3.18	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
7	17112174	Chau	Ron	01/03/1998	Nam	3.15	Khá	
8	17112185	Phùng Thiện	Tâm	05/10/1998	Nam	2.32	Trung bình	
9	17112189	Phan Thị Thu	Thắm	20/04/1999	Nữ	2.62	Khá	
10	17112215	Nguyễn Thị Thu	Thùy	28/02/1999	Nữ	2.91	Khá	
11	17112235	Trần Thị Thủy	Trúc	11/09/1999	Nữ	2.98	Khá	
12	17112242	Trần Bá	Tường	29/12/1999	Nam	2.92	Khá	
DH17TA								
1	17111044	Đào Thị Bích	Hiếu	24/02/1999	Nữ	2.98	Khá	
2	17111068	Nguyễn Văn	Lâm	00/05/1999	Nam	2.39	Trung bình	
3	17111069	Phạm Thị Hương	Lan	03/03/1999	Nữ	2.66	Khá	
4	17111081	Nguyễn Thị Diệu	Ly	31/10/1999	Nữ	2.88	Khá	
5	17111115	Hoàng Minh	Phương	01/07/1999	Nữ	2.70	Khá	
6	17111130	Trần Nhựt	Thanh	16/03/1999	Nam	2.58	Khá	
DH17TY								
1	16112560	Trần Hữu	Hoài	20/11/1998	Nam	3.23	Giỏi	
2	17112006	Kiều Hồng	Ánh	06/11/1999	Nữ	3.16	Khá	
3	17112007	Nguyễn Đình	Bão	22/03/1999	Nam	2.96	Khá	
4	17112008	Đỗ Gia	Bảo	31/08/1999	Nam	2.62	Khá	
5	17112011	Nguyễn Thị	Bim	01/09/1999	Nữ	3.27	Giỏi	
6	17112018	Nguyễn Hữu	Đang	10/02/1999	Nam	2.73	Khá	
7	17112023	Bùi Thị Mộng	Điệp	18/05/1999	Nữ	2.85	Khá	
8	17112033	Nguyễn Trường	Duy	23/04/1999	Nam	2.89	Khá	
9	17112040	Trần Thị Mỹ	Duyên	20/04/1999	Nữ	3.22	Giỏi	
10	17112047	Huỳnh Trần Tuấn	Hải	11/10/1999	Nam	2.69	Khá	
11	17112048	Dương Thị Ngọc	Hân	14/12/1999	Nữ	3.15	Khá	
12	17112051	Đỗ Lê Khánh	Hằng	20/04/1999	Nữ	2.56	Khá	
13	17112055	Trần Thị	Hậu	22/05/1999	Nữ	3.00	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
14	17112056	Trần Trung	Hậu	24/02/1999	Nam	2.74	Khá	
15	17112059	Bùi Thị Thu	Hiếu	09/12/1999	Nữ	2.67	Khá	
16	17112070	Nguyễn Quang	Hợp	07/01/1999	Nam	2.92	Khá	
17	17112081	Phạm Quốc	Huy	09/11/1999	Nam	2.53	Khá	
18	17112086	Tống Đức	Khải	11/11/1998	Nam	3.07	Khá	
19	17112092	Nguyễn Thanh	Khiêm	26/11/1999	Nam	3.20	Giỏi	
20	17112093	Nguyễn Đăng	Khoa	11/12/1999	Nam	3.09	Khá	
21	17112111	Nguyễn Thị Trà	Mi	30/10/1999	Nữ	2.94	Khá	
22	17112117	Huỳnh Thị Thu	Ngân	27/07/1999	Nữ	3.00	Khá	
23	17112118	Lê Khánh	Ngân	14/09/1999	Nữ	3.18	Khá	
24	17112143	Nguyễn Dương Minh	Như	10/07/1999	Nữ	3.51	Giỏi	
25	17112147	Nguyễn Hồ Minh	Nhựt	24/02/1999	Nam	2.83	Khá	
26	17112149	Lê Thái Tường	Oanh	24/02/1999	Nữ	2.96	Khá	
27	17112150	Đặng Minh	Phát	26/10/1999	Nam	3.27	Giỏi	
28	17112153	Nguyễn Lan	Phol	13/02/1999	Nữ	3.20	Giỏi	
29	17112177	Nguyễn Thị Mỹ	Sang	23/05/1999	Nữ	2.93	Khá	
30	17112182	Nguyễn Chí	Tâm	07/03/1999	Nam	3.02	Khá	
31	17112195	Nguyễn Thị	Thảo	05/10/1998	Nữ	2.70	Khá	
32	17112212	Dương Thị Hồng	Thương	13/04/1999	Nữ	3.31	Giỏi	
33	17112226	Nguyễn Thanh Bảo	Trâm	01/10/1999	Nữ	3.22	Giỏi	
34	17112231	Thiều Minh	Trí	13/07/1996	Nam	3.04	Khá	
35	17112236	Bùi Đức	Trung	01/07/1999	Nam	2.87	Khá	
36	17112246	Trần Thị Bích	Tuyền	24/03/1999	Nữ	2.69	Khá	
37	17112910	Lành Đức	Thiện	24/02/1998	Nam	2.50	Khá	
38	17112924	Lê Duy	Kha	16/09/1997	Nam	2.82	Khá	
DH18CN								
1	18111021	Ngô Trí	Đạt	19/03/2000	Nam	2.51	Khá	
2	18111037	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	12/12/2000	Nữ	2.66	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
3	18111084	Hồ	Nguyễn	15/09/2000	Nam	2.65	Khá	
4	18111141	Huỳnh Thị Thu	Vân	30/07/2000	Nữ	2.75	Khá	
DH18TA								
1	18111047	Võ Sông	Hương	20/03/2000	Nữ	3.46	Giỏi	
2	18111060	Lê Thành	Lợi	11/04/2000	Nam	2.61	Khá	
3	18111074	Huỳnh Ngọc	Minh	20/11/2000	Nữ	2.73	Khá	
4	18111125	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/09/2000	Nữ	3.19	Khá	
5	18111140	Nguyễn Thị Xuân	Uyên	15/04/2000	Nữ	2.62	Khá	
6	18111146	Nguyễn Tường	Vy	29/11/2000	Nữ	3.34	Giỏi	
DH18TY								
1	18112903	Vũ Thị Thanh	Trúc	03/11/1998	Nữ	3.03	Khá	
TC12TY								
1	12212075	Thiều Ngọc	Đông	27/04/1987	Nam	5.80	Trung bình	
2	12212124	Hoàng Duy	Tấn	30/08/1992	Nam	6.23	Trung bình khá	
TC13TY								
1	13212015	Nguyễn Hoàng	Láng	01/01/1994	Nam	6.44	Trung bình khá	
2	13212018	Đoàn Thị	Liên	23/08/1993	Nữ	6.52	Trung bình khá	
3	13212023	Nguyễn Kim	Linh	22/08/1992	Nữ	6.09	Trung bình khá	
4	13212024	Đoàn Đức	Luận	13/08/1990	Nam	6.57	Trung bình khá	
TC14TY								
1	14212101	Vũ Quang	Minh	26/03/1996	Nam	7.59	Khá	
2	14212124	Dương Hạnh	Thùy	16/01/1995	Nữ	6.57	Trung bình khá	
TC14TYNX								
1	14212002	Hà Văn	Đoàn	23/11/1995	Nam	6.00	Trung bình khá	
2	14212025	Lê Đức	Huân	19/01/1994	Nam	6.43	Trung bình khá	
3	14212027	Trần Quang	Huy	24/12/1988	Nam	6.24	Trung bình khá	
4	14212066	Trần Quang	Việt	27/12/1992	Nam	6.23	Trung bình khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
TC15TY								
1	15212002	Đỗ Trần Tuấn	Anh	30/04/1996	Nam	6.30	Trung bình khá	
2	15212009	Đỗ Minh Thành	Tấn	04/01/1997	Nam	6.53	Trung bình khá	
3	15212027	Nguyễn Thị	Ngọc	06/05/1995	Nữ	6.49	Trung bình khá	
4	15212028	Lê Phan Anh	Nghị	19/03/1993	Nam	6.43	Trung bình khá	
5	15212030	Nguyễn Hồng	Nhung	03/06/1994	Nữ	6.37	Trung bình khá	
6	15212040	Nguyễn Thị Phương	Thảo	22/03/1997	Nữ	6.72	Trung bình khá	
7	15212051	Lê Ngọc	Bảo	18/06/1978	Nam	6.73	Trung bình khá	
8	15212059	Trần Văn	Nhiều	25/12/1978	Nam	6.48	Trung bình khá	
Kinh tế								
DH14KEGL								
1	14123205	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	26/02/1996	Nữ	2.54	Khá	
DH14QT								
1	14122144	Nguyễn Thị Hồng	Trang	17/03/1996	Nữ	3.16	Khá	
DH15KE								
1	15123104	Trần Thị Huyền	Trân	17/12/1997	Nữ	2.33	Trung bình	
DH15KN								
1	14155098	Chanh Đa Ra	Ríth	13/11/1996	Nam	2.96	Khá	
DH15PT								
1	15121028	Đặng Thị Ngọc	Huyền	30/03/1997	Nữ	2.72	Khá	
DH15QT								
1	15122061	Đỗ Thị Phương	Hoa	12/03/1997	Nữ	2.63	Khá	
DH15TC								
1	15122300	Hà Thị Thanh	Tuyền	13/01/1995	Nữ	2.86	Khá	
DH16KE								
1	16123037	Trần Thị Hoàng	Diễm	15/08/1998	Nữ	2.61	Khá	